

DRUG ADHERENCE OF HYPERTENSIVE OUTPATIENTS AT VO TRUONG TOAN UNIVERSITY HOSPITAL IN 2025

Duong Tu My, Nguyen Ngoc Cam Quyen, Nguyen Thi Thanh Tuyen

Vo Truong Toan University - National Highway 1A, Thanh Xuan, Can Tho City

Received 08/08/2025

Revised 28/08/2025; Accepted 23/09/2025

ABSTRACT

Introduction: This study aims to describe the general characteristics of hypertensive outpatients and their treatment adherence in Vo Truong Toan University Hospital in 2025.

Subjects and Methods: A cross-sectional analytical study was conducted on 240 hypertensive outpatients at Vo Truong Toan University Hospital in 2025. Treatment adherence was assessed using the Morisky Medication Adherence Scale. Data were collected and analyzed using SPSS version 26.0.

Results: The medication adherence rate was 74,6%. The adherence rate to lifestyle modification was 58.3%, and the overall treatment adherence rate was 50,8%.

Keywords: hypertension, medication adherence, associated factors.

*Corresponding author

Email: dng.tumy@gmail.com **Phone:** (+84) 944389161 **https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD15.3255**



TUÂN THỦ ĐIỀU TRỊ CỦA NGƯỜI BỆNH TĂNG HUYẾT ÁP ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ TẠI BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC VÕ TRƯỜNG TOÀN NĂM 2025

Dương Tú Mỹ, Nguyễn Ngọc Cẩm Quyên, Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Trường Đại học Võ Trường Toàn - QL1A, Thạnh Xuân, Thành Phố Cần Thơ

Ngày nhận bài: 08/08/2025

Ngày chỉnh sửa: 28/08/2025; Ngày duyệt đăng: 23/09/2025

TÓM TẮT

Mục tiêu nghiên cứu: Nghiên cứu nhằm mô tả một số đặc điểm chung của người bệnh tăng huyết áp điều trị ngoại trú và tuân thủ điều trị của người bệnh tăng huyết áp điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toàn năm 2025.

Phương pháp và đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang có phân tích tiến hành trên 240 người bệnh tăng huyết áp điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toàn năm 2025. Đánh giá tuân thủ điều trị sử dụng thuốc dựa trên bộ câu hỏi của Morisky. Số liệu thu thập, xử lý bằng phần mềm SPSS 26.0.

Kết quả: Tỷ lệ tuân thủ sử dụng thuốc là 74,6%. Tỷ lệ người bệnh tuân thủ thay đổi lối sống là 58,3%. Tỷ lệ người bệnh tuân thủ điều trị chung là 50,8%.

Từ khóa: Tăng huyết áp, tuân thủ sử dụng thuốc, yếu tố liên quan.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tăng huyết áp (THA) là bệnh lý tim mạch phổ biến, tiến triển âm thầm nhưng có thể gây nhiều biến chứng nguy hiểm như đột quỵ, nhồi máu cơ tim, suy tim, suy thận nếu không được kiểm soát tốt. Theo ước tính của WHO, hiện có khoảng 1 tỷ người trên thế giới mắc bệnh THA và con số này sẽ tăng lên 1,5 tỷ người, tức là cứ 5 người trưởng thành thì có một người mắc. Điều đáng lưu ý là tỷ lệ bệnh nhân tăng huyết áp chưa được phát hiện và chẩn đoán lên đến 60% trong dân số và có 20% số bệnh nhân THA được điều trị [1]. Điều trị tăng huyết áp bao gồm thay đổi lối sống và điều trị bằng thuốc, trong đó thay đổi lối sống áp dụng cho tất cả người bệnh [5]. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, nghiên cứu: **“Thực trạng tuân thủ điều trị và một số yếu tố liên quan của bệnh nhân tăng huyết áp điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toàn năm 2025”** với 2 mục tiêu nghiên cứu:

1. Mô tả một số đặc điểm chung của bệnh nhân tăng huyết áp điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toàn năm 2025.

2. Mô tả thực trạng tuân thủ điều trị của bệnh nhân tăng huyết áp điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toàn năm 2025.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu cắt ngang mô tả.

2.2. Đối tượng nghiên cứu

Bệnh nhân ≥ 18 tuổi được chẩn đoán là tăng huyết áp điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toàn năm 2025.

2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Từ tháng 01 đến tháng 03 năm 2025 tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toàn.

2.4. Phương pháp chọn mẫu

Áp dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện, chọn những bệnh nhân tăng huyết áp điều trị ngoại trú thỏa điều kiện để mời tham gia nghiên cứu.

*Tác giả liên hệ

Email: dng.tummy@gmail.com Điện thoại: (+84) 944389161 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD15.3255>

2.5. Nội dung nghiên cứu

1. Một số đặc điểm chung của bệnh nhân tăng huyết áp điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toàn

- Giới tính
- Năm sinh
- Trình độ học vấn
- Sống cùng với ai
- Chi phí chi trả điều trị tăng huyết áp
- Nghề nghiệp hiện tại
- Thời gian mắc bệnh tăng huyết áp
- Tiền sử tăng huyết áp của gia đình
- Biến chứng của tăng huyết áp.

2. Tuân thủ điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân điều trị ngoại trú

Thông tin về thực hành tuân thủ điều trị thuốc của bệnh nhân: 8 câu hỏi từ B1 đến B8 theo thang điểm MMAS – 8.

Thông tin về thực hành tuân thủ các biện pháp thay đổi lối sống của bệnh nhân:

- Chế độ ăn
- Hút thuốc lá hoặc thuốc lá
- Uống rượu, bia
- Chế độ làm việc và sinh hoạt
- Chế độ luyện tập thể dục thể thao
- Đo và ghi số đo huyết áp

2.6. Phương pháp thu nhập số liệu

Thông tin được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp bằng bộ câu hỏi được chuẩn bị sẵn.

2.7. Y đức

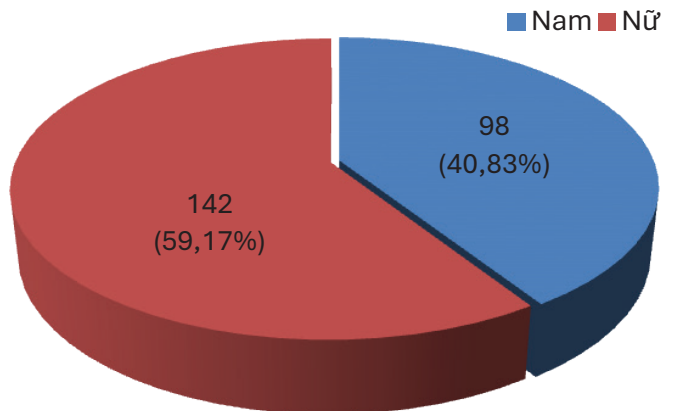
Nghiên cứu được thực hiện sau khi thông qua đạo đức trong nghiên cứu y sinh học, có sự phê duyệt của Khoa Dược Trường Đại học Võ Trường Toàn và có sự đồng ý cho phép thu thập số liệu tại Bệnh viện của Ban Giám Đốc Bệnh viện Đại học Võ Trường Toàn.

Trong quá trình phỏng vấn bệnh nhân có quyền từ chối không tiếp tục trả lời bất cứ lúc nào. Mọi thông tin của bệnh nhân đều được giữ bí mật và chỉ sử dụng của mục đích nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Một số đặc điểm chung của bệnh nhân tăng huyết áp điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toàn năm 2025.

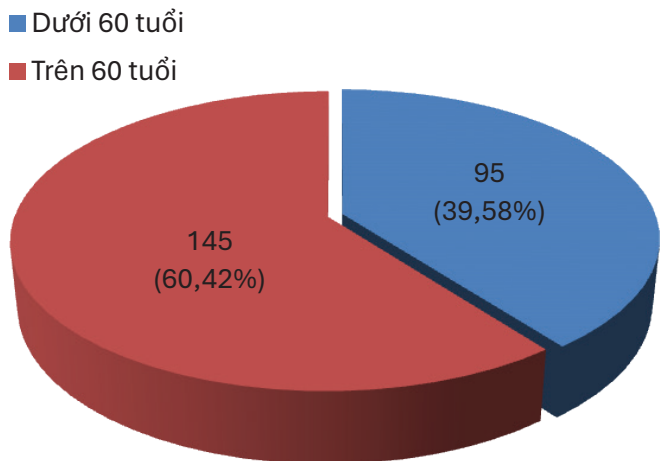
3.1.1. Phân bố đối tượng nghiên cứu theo giới tính.



Biểu đồ 3.1. Phân bố đối tượng nghiên cứu theo giới tính

Nhận xét: Phân bố đối tượng nghiên cứu theo giới tính cho thấy bệnh nhân nữ giới chiếm 142 người (59,17%), cao hơn so với bệnh nhân nam giới là 98 người (40,83%).

3.1.2. Phân bố đối tượng nghiên cứu theo nhóm tuổi



Biểu đồ 3.2. Phân bố đối tượng nghiên cứu theo nhóm tuổi

Nhóm đối tượng trên 60 tuổi chiếm 145 người (60,42%), cao hơn so với nhóm dưới 60 tuổi là 95 người (39,58%).

3.1.3. Phân bố bệnh nhân theo trình độ học vấn và hoàn cảnh sống

Bảng 3.1. Phân bố bệnh nhân theo trình độ học vấn và hoàn cảnh sống

Đặc điểm bệnh nhân		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Trình độ học vấn	Mù chữ – Tiểu học	60	25
	Trung học cơ sở	81	33,8
	Trung học phổ thông	69	18,1
	Cao đẳng – Đại học – Sau đại học	30	12,5

Đặc điểm bệnh nhân		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Sống cùng với ai	Sống một mình	34	14,2
	Sống cùng gia đình	206	85,8

Nhận xét: Phần lớn bệnh nhân có trình độ học vấn thấp với 58,8% thuộc nhóm mù chữ đến trung học cơ sở. Hầu hết bệnh nhân sống cùng gia đình chiếm 85,8%, tuy nhiên, vẫn có 14,2% sống một mình. Bệnh nhân được bảo hiểm Y tế là nguồn chi trả chính chiếm tỷ lệ cao 81,3%, bên cạnh đó 15% bệnh nhân tự chi trả và 3,8% do gia đình hỗ trợ. Tỷ lệ bệnh nhân không tham gia lao động (bao gồm nghỉ hưu và không đi làm) đạt 61,3%, trong khi đó, 38,8% vẫn duy trì công việc.

3.1.4. Phân bố bệnh nhân theo tình trạng tăng huyết áp

Bảng 3.2. Phân bố bệnh nhân tăng huyết áp theo tình trạng tăng huyết áp

Đặc điểm bệnh nhân		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Thời gian mắc bệnh tăng huyết áp	Dưới 1 năm	41	17,1
	1 – 5 năm	134	55,8
	Trên 5 năm	65	27,1
Tiền sử tăng huyết áp của gia đình bệnh nhân	Có	66	27,5
	Không	174	72,5
Biến chứng của tăng huyết áp	Xuất huyết não hoặc TBMMN	12	5
	Bệnh về tim mạch	132	55
	Tổn thương võng mạc	10	4,2
	Bệnh thận	22	9,2
	Không có	76	31,7

Nhận xét: Tỷ lệ bệnh nhân tăng huyết áp từ 1 – 5 năm chiếm đa số 55,8%. Tuy nhiên, có 27,1% bệnh nhân mắc bệnh trên 5 năm và 17,1% mắc dưới 1 năm. Hơn một phần tư bệnh nhân có tiền sử gia đình mắc tăng huyết áp 27,5%. Biến chứng tim mạch là phổ biến nhất chiếm 55%, các biến chứng khác như xuất huyết não, tổn thương võng mạc và bệnh thận chiếm tỷ lệ thấp hơn. Cuối cùng, 31,7% bệnh nhân không có biến chứng liên quan đến bệnh.

3.2. Tỷ lệ tuân thủ điều trị của bệnh nhân tăng huyết áp điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toản năm 2025

3.2.1. Tuân thủ điều trị thuốc của bệnh nhân tăng huyết áp điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toản năm 2025

Bảng 3.4. Tỷ lệ tuân thủ điều trị thuốc của bệnh nhân tăng huyết áp

Tuân thủ điều trị thuốc	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Đạt	179	74,6
Không đạt	61	25,4
Tổng	240	100

Nhận xét: Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong tổng số bệnh nhân khảo sát, có 179 bệnh nhân tuân thủ điều trị thuốc, chiếm tỷ lệ 74,6%. Ngược lại 61 bệnh nhân tương đương 25,4% không duy trì việc tuân thủ điều trị thuốc theo chỉ định.

3.2.2. Tuân thủ thay đổi lối sống của bệnh nhân tăng huyết áp điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toản năm 2025

Bảng 3.5. Tỷ lệ phân bố các yếu tố tuân thủ thay đổi lối sống của bệnh nhân

Thực hành tuân thủ thay đổi lối sống từ khi phát hiện tăng huyết áp		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Chế độ ăn từ khi phát hiện tăng huyết áp.	Ăn nhạt	165	68,8
	Ăn nhiều rau quả và trái cây	130	54,2
	Ăn ít chất béo, hạn chế mỡ động vật	116	48,2
	Hạn chế chất kích thích	113	47,1
	Vẫn ăn uống bình thường	14	5,8
Hút thuốc lá hoặc thuốc láo từ khi phát hiện tăng huyết áp.	Chưa bao giờ hút	190	79,2
	Có hút nhưng dừng hoàn toàn đã giảm lượng thuốc hút đáng kể.	34	14,2
	Có hút nhưng chưa giảm hoặc giảm không đáng kể.	16	6,7
Uống rượu, bia từ khi phát hiện tăng huyết áp.	Có, Nam < 3 cốc/ngày, Nữ < 2 cốc/ngày	57	23,8
	Có, Nam ≥ 3 cốc, Nữ ≥ 2 cốc/ngày	17	7,1
	Không	166	69,2
Chế độ làm việc và sinh hoạt từ khi phát hiện tăng huyết áp.	Nghỉ ngơi hợp lý, tránh thức khuya	104	43,3
	Tránh lo âu căng thẳng	123	51,2
	Tránh lao động nặng (stress)	119	49,6
	Vẫn sinh hoạt như trước	46	19,2

Thực hành tuân thủ thay đổi lối sống từ khi phát hiện tăng huyết áp		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Chế độ luyện tập thể dục thể thao từ khi phát hiện tăng huyết áp.	Có, thời gian dưới 30 phút/ngày	89	37,1
	Có, từ 30–60 phút/ngày	78	32,5
	Có, nhiều hơn 60 phút/ngày	36	15
	Không luyện tập thể dục	37	15,4
Đo và ghi số đo huyết áp vào sổ theo dõi.	Thường xuyên	53	22,1
	Thỉnh thoảng	77	32,1
	Hiếm khi	70	29,2
	Không bao giờ	40	16,7

Nhận xét: Qua khảo sát cho thấy, tỷ lệ bệnh nhân tuân thủ chế độ ăn uống lành mạnh (ăn nhạt, ăn nhiều rau quả và trái cây, ăn ít chất béo) chiếm cao lần lượt là 68,8%, 54,2% và 48,2%. Tỷ lệ bệnh nhân không hút thuốc là 79,2% và không uống rượu bia là 69,2%. Tuy nhiên, tỷ lệ tuân thủ hoạt động thể chất còn hạn chế, chỉ 37,1% bệnh nhân luyện tập thể dục dưới 30 phút mỗi ngày. Đáng chú ý, việc theo dõi HA chưa được thực hiện đầy đủ, chỉ 22,1% bệnh nhân thực hiện thường xuyên.

Bảng 3.6. Tỷ lệ tuân thủ thay đổi lối sống của bệnh nhân

Tuân thủ thay đổi lối sống	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Đạt	140	58,3
Không đạt	100	41,7
Tổng	240	100

Nhận xét: Trong tổng số 240 bệnh nhân điều trị THA ngoại trú tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toản có 140 bệnh nhân thực hiện tốt việc thay đổi lối sống, chiếm tỷ lệ 58,3%. Trong khi đó, 100 bệnh nhân còn lại tương đương 41,7% chưa thực hiện đúng các hướng dẫn khuyến nghị của cán bộ Y tế về thay đổi lối sống.

4. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm chung của bệnh nhân tăng huyết áp

4.1.1. Giới tính

Tỷ lệ người mắc THA trong nhóm khảo sát nữ chiếm 59,17%, cao hơn nam (40,83%), tương đồng với một số nghiên cứu của Trần Kiến Vũ (2024) khi ghi nhận tỷ lệ bệnh nhân nữ cao hơn nam, hay nghiên cứu tác giả Nguyễn Ngọc Cẩm Quyên (2023) với tỷ lệ nữ giới chiếm 60,6% và nam giới là 39,4% [9], [6]. Sự chênh lệch giới tính có thể do ảnh hưởng của nội tiết tố sau mãn kinh.

4.1.2. Tuổi

Chủ yếu ở nhóm tuổi trên 60, chiếm 60,42%, trong khi nhóm dưới 60 tuổi chiếm 39,58%. Do lão hoá mạch máu và rối loạn chức năng nội mô.

4.1.3. Trình độ học vấn

Phần lớn bệnh nhân tham gia khảo sát tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toản thuộc nhóm có trình độ học vấn thấp. Cụ thể, 58,5% trình độ tiểu học trở xuống, phản ánh đặc điểm vùng nghiên cứu là khu vực giáp ranh nông thôn - đô thị. Trình độ học vấn thấp ảnh hưởng đến nhận thức và tuân thủ điều trị.

4.1.4. Hoàn cảnh sống

85,8% sống cùng gia đình, cao hơn nghiên cứu của Cao Trần Thanh Phong (2023) với chỉ 35% sống cùng người thân [4].

4.1.5. Thời gian mắc bệnh tăng huyết áp

Chủ yếu 1-5 năm (55,8%), cho thấy đặc điểm âm thầm của THA khiến người bệnh chậm phát triển bệnh.

4.1.6. Tiền sử bệnh tăng huyết áp của gia đình bệnh nhân

27,5% có người thân mắc THA, thấp hơn so với kết quả của Đỗ Duy Tân (2019) là 44,8% [7].

4.1.7. Biến chứng của bệnh tăng huyết áp

55% bệnh nhân có biến chứng về bệnh xuất huyết não hoặc TBMMN, bệnh thận và tổn thương võng mạc. Tỷ lệ này cao hơn một số nghiên cứu khác, cho thấy kiểm soát HA chưa hiệu quả.

4.2. Thực trạng tuân thủ điều trị của bệnh nhân tăng huyết áp điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toản năm 2025

4.2.1. Thực trạng về tuân thủ điều trị thuốc

Tỷ lệ bệnh nhân tuân thủ điều trị thuốc tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toản đạt 74,6%, cao hơn nghiên cứu của tác giả Trần Kiến Vũ (2024) với chỉ 35% tuân thủ tốt, 51% mức trung bình [9].

Sự cải thiện tuân thủ tại bệnh viện nhờ phần mềm kê đơn tự động, hướng dẫn sử dụng rõ ràng dưới mỗi vỉ thuốc và đội ngũ y tế hỗ trợ tận tình trong quá trình khám - cấp phát thuốc. Tuy nhiên, tuân thủ thuốc vẫn chưa tối ưu, cần tiếp tục cải thiện qua các biện pháp như đơn giản hoá liệu trình và điều chỉnh thời gian dùng thuốc hợp lý.

4.2.2. Thực trạng tuân thủ thay đổi lối sống

Tỷ lệ đạt 58,3% thấp hơn nghiên cứu của Trần Kiến Vũ (2024) là 69% [9] nhưng cao hơn một số nghiên cứu khác. Tỷ lệ tuân thủ ăn nhạt, ăn rau quả lần lượt là 68,8% và 54,2% tương đồng với các nghiên cứu [9]. Không hút thuốc (79,2%) và không uống rượu (69,2%) cũng ở mức cao, tuy nhiên luyện tập thể dục đều đặn chỉ đạt 32,5% thấp hơn các nghiên cứu trước như của tác giả Nguyễn Tấn Đạt (64,7%) và Trần Kiến Vũ (73,3%) [2], [9]. Việc tự đo huyết áp đạt 22,1%, nhỉnh hơn Trần Kiến Vũ (21,7%) [9].

4.2.3. Thực trạng tuân thủ điều trị chung

Qua kết quả khảo sát thì bệnh nhân tuân thủ điều trị chung chiếm 50,8%. Trong khi đó có 49,2%, chưa

tuân thủ hoàn toàn các yêu cầu điều trị. Tỷ lệ tuân thủ và không tuân thủ điều trị gần như ngang nhau, điều này có thể ảnh hưởng đến hiệu quả kiểm soát HA, tăng nguy cơ biến chứng tim mạch. Tuân thủ chưa cao do ảnh hưởng của yếu tố kinh tế, nhận thức, hoàn cảnh sống. Cần có biện pháp can thiệp phù hợp của từng đối tượng.

5. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu về thực trạng tuân thủ điều trị và một số yếu tố liên quan của bệnh nhân tăng huyết áp điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toản năm 2025, rút ra được kết luận như sau:

1. Thực trạng tuân thủ điều trị của bệnh nhân

Tỷ lệ bệnh nhân tuân thủ điều trị thuốc là 74,6%.

Tỷ lệ bệnh nhân tuân thủ thay đổi lối sống là 58,3%.

Tỷ lệ bệnh nhân tuân thủ điều trị chung là 50,8%.

2. Các yếu tố liên quan đến việc tuân thủ điều trị thuốc và tuân thủ thay đổi lối sống của bệnh nhân

Kết quả kiểm định chi bình phương cho thấy được các yếu tố liên quan có ý nghĩa thống kê về việc tuân thủ điều trị thuốc như yếu tố giới tính, nhóm tuổi, chi phí chi trả cho bản thân và tiền sử tăng huyết áp trong gia đình ($p < 0,05$).

Các yếu tố như chi phí chi trả và thời gian mắc tăng huyết áp có yếu tố liên quan đến việc tuân thủ thay đổi lối sống trên bệnh nhân điều trị tăng huyết áp ($p < 0,05$).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Y tế (2015), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị tăng huyết áp, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Tấn Đạt và cộng sự (2021), “Tình hình tuân thủ điều trị và một số yếu tố liên quan đến không

tuân thủ điều trị tăng huyết áp tại huyện Phong Điền, Thành phố Cần Thơ năm 2017–2018”, Tạp chí Tim mạch học Việt Nam, 93, tr. 58–64.

- [3] Trần Hòa và Trương Quang Bình (2021), “Tiếp cận điều trị tăng huyết áp”, trong Tiếp cận điều trị bệnh Nội khoa, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh..
- [4] Cao Trần Thanh Phong, Trần Đỗ Thanh Phong và Nguyễn Tấn Đạt (2023), “Thực trạng tuân thủ điều trị và một số yếu tố liên quan của bệnh nhân tăng huyết áp điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đại Học Võ Trường Toản”, Tạp chí Y học Việt Nam, 533(1), tr. 62–68..
- [5] Nguyễn Ngọc Cẩm Quyên, Nguyễn Thị Diễm, Võ Quang Lộc Duyên và Nguyễn Hoàng Bách (2023), “Khảo sát tình hình tuân thủ sử dụng thuốc và một số yếu tố liên quan của bệnh nhân cao tuổi tăng huyết áp đang điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Cần Thơ năm 2022–2023”, Tạp chí Y Dược học Cần Thơ, 63, tr. 135–142.
- [6] Đỗ Duy Tân (2019), Thực trạng tuân thủ điều trị bệnh tăng huyết áp và một số yếu tố liên quan ở người bệnh điều trị ngoại trú tại Trung tâm Y tế Thành phố Hòa Bình năm 2019, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại Học Y tế Công cộng, Hà Nội.
- [7] Trần Kiến Vũ và Nguyễn Thị Vẹn (2024), “Tỷ lệ tuân thủ điều trị của bệnh nhân tăng huyết áp tại Phòng khám Đa Khoa Thành Công, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2024 – 2025”, Tạp chí Y học Cộng đồng, 65(CĐ11 – Liên chi hội CTCH TP. HCM).